TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 - KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 23 - 4 - 2026
V/v: "Ly hôn; Tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân: bà Nguyễn Thị Liên và ông Lê Quang Chính.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thu Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 - Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Khánh Hòa tham gia phiên toà: bà Trần Thị Mai Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 - Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 178/2025/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2025 về *"Ly hôn; Tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 54/2026/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2026 của Toà án nhân dân khu vực 8 - Khánh Hoà, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Nguyễn Kim K. - sinh năm 1985 (yêu cầu vắng mặt);
Địa chỉ: Thôn Văn Lâm 3, xã Thuận Nam, tỉnh Khánh Hòa.

2. Bị đơn: anh Bá Thanh D. - sinh năm 1982 (vắng mặt);
Địa chỉ: Thôn A, xã B, tỉnh Khánh Hòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Nguyễn Kim K. trình bày:

Chị với anh Bá Thanh D. tự nguyện tìm hiểu, sống chung vợ chồng và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phước Nam, huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận (nay là xã Thuận Nam, tỉnh Khánh Hòa) vào năm 2005 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 78 quyển số 01/05 ngày 23/5/2005. Chị và anh D. có 05 con chung tên là: Bá Thanh T1. - sinh ngày 19/7/2002; Bá Thanh T2. - sinh ngày 06/10/2004; Bá Thanh T3. - sinh ngày 09/5/2007; Bá Thanh T4. - sinh ngày 15/12/2009 và Bá Kim Thiên A. - sinh ngày 11/8/2018. Hiện nay, cháu Thỏa, cháu Thoáng, cháu Thảnh đã trên 18 tuổi và tự lao động được nên chị không yêu cầu giải quyết. Quá trình vợ chồng chung sống ban đầu hạnh phúc, đến năm 2023 thì xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn: Do bất đồng quan điểm sống, bất đồng quan điểm về kinh tế, cuộc sống hôn nhân không đạt được hạnh phúc. anh D. thường hay ghen tuông và đánh

đập chị. Chị và anh D. đã mạnh ai nấy sống từ năm 2023 đến nay, đó là lần gần nhất anh D. đánh chị nên chị không thể tha thứ cho anh D.. Vì vậy chị yêu cầu khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Bá Thanh D..

- Về con chung: Chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bá Kim Thiên A. - sinh ngày 11/8/2018 và giao cho anh Bá Thanh D. trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bá Thanh T4. - sinh ngày 15/12/2009. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Do bận công việc nên chị yêu cầu Toà án giải quyết vắng mặt tại phiên toà sơ thẩm.

Bị đơn anh Bá Thanh D. trình bày:

Anh xác nhận về quan hệ hôn nhân và con chung như chị Nguyễn Kim K. trình bày. Quá trình vợ chồng chung sống ban đầu hạnh phúc đến năm 2024 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn: vợ chồng cãi vã nhau, hiện nay hai vợ chồng đã không còn sống chung khoảng 2 năm nay. Tuy nhiên, mâu thuẫn này không lớn nên anh không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị K..

- Về con chung: Nếu Toà án giải quyết ly hôn thì anh đồng ý phương án nuôi con của chị K. là giao cho chị K. trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bá Kim Thiên A. - sinh ngày 11/8/2018 và giao cho anh trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bá Thanh T4. - sinh ngày 15/12/2009. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải thì anh Bá Thanh D. đồng ý việc ly hôn và nuôi con theo ý kiến của chị Nguyễn Kim K.. Tuy nhiên, sau khi Toà án lập biên bản thì anh D. tự ý ra về, không xin phép Tòa án và không ký vào biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải ngày 29/01/2026 và không đến Toà án tham gia tố tụng nữa. Chị Nguyễn Kim K. có yêu cầu Toà án không tiến hành hoà giải nữa vì chị không muốn thoả thuận gì với anh Bá Thanh D..

Anh Bá Thanh D. đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa để tham gia phiên tòa sơ thẩm vụ án nhưng vắng mặt không có lý do.

Phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Kim K.. Về án phí: Buộc nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Kim K. khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn anh Bá Thanh D. và yêu cầu trực tiếp nuôi con chung, đây là vụ án về Hôn nhân và gia đình về việc "Ly hôn; Tranh chấp về nuôi con" quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng Dân sự. Anh Bá Thanh D. cư trú tại thôn Văn Lâm 3, xã Thuận Nam, tỉnh Khánh Hòa. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự; khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Luật Tố tụng Hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hoà giải, đối thoại tại Toà án, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8 - Khánh Hòa.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị K. có yêu cầu giải quyết vắng mặt; Bị đơn anh D. đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt chị K. và anh D..

[3]. Về nội dung vụ án:

[3.1]. Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 78 ngày 23/5/2005 của UBND xã Phước Nam (BL 01), thể hiện: chị K. và anh D. có đăng ký kết hôn ngày 23/5/2005 tại UBND xã Phước Nam (nay là xã Thuận Nam). Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định quan hệ hôn nhân giữa chị K. và anh D. là hợp pháp, thời điểm kết hôn vào ngày 23/5/2005, có đủ các điều kiện kết hôn quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

[3.2]. Quá trình chung sống vợ chồng: chị K. xác định chị và anh D. đã mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, do bất đồng quan điểm sống, quá trình chung sống vợ chồng không hạnh phúc. anh D. thường hay ghen tuông và đánh đập chị. Chị và anh D. đã mạnh ai nấy sống từ năm 2023 đến nay, đó là lần gần nhất anh D. đánh chị nên chị không thể tha thứ cho anh D.. Do đó, chị yêu cầu ly hôn anh D. (BL 18). Quá trình tố tụng tại Tòa án, anh D. thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn với nhau nhưng theo anh D. thì mâu thuẫn không trầm trọng nên anh không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị K. (BL 21). Tại phiên hòa giải ngày 29/01/2026, anh D. đồng ý ly hôn với chị K. và đồng ý trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Bá Thanh T4., sinh ngày 15/12/2009, tuy nhiên trong quá trình lập biên bản thì anh D. tự ý bỏ về và không ký vào biên bản tại phiên hòa giải này (BL 27). Kể từ ngày hòa giải ngày 29/01/2026 thì anh D. không đến Tòa án tham gia tố tụng trong vụ án này nữa. Do đó, đủ cơ sở xác định giữa chị K. và anh D. có mâu thuẫn vợ chồng và không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Quá trình giải quyết vụ án, chị K. yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải, anh D. có ý kiến không đồng ý yêu cầu ly hôn với chị K.; tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải ngày 19/01/2026 thì anh D. đồng ý ly hôn với chị K.

nhưng không ký vào biên bản, tự ý ra về không xin phép Toà án; kể từ sau ngày hòa giải ngày 19/01/2026 thì không đến Tòa án tham gia tố tụng, tham gia phiên tòa để trình bày ý kiến của mình nữa, điều này chứng tỏ các bên không có thiện chí hòa giải hàn gắn nên Tòa án không tiến hành hòa giải được vụ án. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị K. và anh D. đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị K. yêu cầu ly hôn anh D. là có căn cứ, đúng quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.3]. Về con chung: chị K. và anh D. thừa nhận có 05 con chung gồm: Bá Thanh T1., sinh ngày 19/7/2002; Bá Thanh T2., sinh ngày 06/10/2004; Bá Thanh T3., sinh ngày 09/5/2007; Bá Thanh T4., sinh ngày 15/12/2009 và Bá Kim Thiên A., sinh ngày 11/8/2018. Hiện nay, Bá Thanh T1., sinh ngày 19/7/2002; Bá Thanh T2., sinh ngày 06/10/2004; Bá Thanh T3., sinh ngày 09/5/2007 đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết. chị K. yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng Bá Kim Thiên A., sinh ngày 11/8/2018, còn anh D. trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bá Thanh T4., sinh ngày 15/12/2009, hai bên không cấp dưỡng nuôi con. anh D. cũng có ý kiến nếu Tòa án giải quyết ly hôn giữa chị Khánh với anh thì anh đồng ý trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bá Thanh T4., sinh ngày 15/12/2009, còn chị K. trực tiếp nuôi dưỡng Bá Kim Thiên A., sinh ngày 11/8/2018, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận nội dung yêu cầu về nuôi con chung này của chị K.. Do chị K. và anh D. không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xét đến.

[3.4]. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4]. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Khánh Hòa về việc giải quyết vụ án là phù hợp nên chấp nhận.

[5]. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, nguyên đơn chị K. phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự trong vụ án hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Các điều 28, 39, 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Luật Tố tụng Hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hoà giải, đối thoại tại Toà án; Điều 39 Bộ luật Dân sự; Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Các điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Kim K. được ly hôn anh Bá Thanh D..

2. Về con chung: Giao chị Nguyễn Kim K. trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Bá Kim Thiên A., sinh ngày 11/8/2018; Giao cho anh Bá Thanh D. trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bá Thanh T4., sinh ngày 15/12/2009.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Toà án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: chị Nguyễn Kim K. phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng mà chị K. đã nộp theo Biên lai thu số 0002753 ngày 23/10/2025 của Thi hành án Dân sự tỉnh Khánh Hòa. chị K. đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn và Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 *(Mười lăm)* ngày, kể từ ngày tống đạt được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND khu vực 8 - Khánh Hòa;
- THADS tỉnh Khánh Hòa;
- UBND xã Thuận Nam;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Quốc Tâm